TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02/8/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bút
2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Mạnh Cường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre* tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc*: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1988; địa chỉ: số nhà F ấp Q, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: **Ông Võ Minh L,** sinh năm: 1984; địa chỉ: số nhà F ấp Q, xã L huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2024, văn bản trình bày ý kiến ngày 21/5/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 18 tháng 09 năm 2023, tôi và ông Võ Minh L có tiến đến hôn nhân. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 18 tháng 09 năm 2023. Thời gian chung sống hạnh phúc với nhau được gần 01 năm. Đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do: chúng tôi không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách giải quyết cho tôi được ly hôn với ông L. Tôi không yêu cầu ông L cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: tôi và ông L có một người con chung tên Võ Mai T sinh ngày 07/12/2023, hiện người con đang chung sống với tôi. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu được quyền nuôi con chung, tôi không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: tôi và ông L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 21/5/2024, bà M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Phía bị đơn ông Võ Minh L đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các giấy mời của Toà án và đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng ông L vắng mặt, cũng không có văn bản trình bày ý kiến nên không có phần trình bày của ông L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M đối với ông L.

Về con chung: giao con chung tên Võ Mai T sinh ngày 07/12/2023 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, bà M không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung tên Võ Mai T.

Về tài sản chung: Bà M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà M trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Võ Minh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà M, ông L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà M và ông L tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2023. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà M cho rằng sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà M xác định đã không còn tình cảm với ông L nên xin được ly hôn với ông L. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia

đình...". Đối chiếu với quy định trên thì giữa bà M và ông L đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn. Đối với ông L, từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải cho ông L nhưng ông L vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Qua đó cũng thể hiện việc ông L không mong muốn được hòa giải đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà M và ông L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M là phù hợp với qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận việc bà M không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: bà M và ông L có một người con chung tên Võ Mai T sinh ngày 07/12/2023, hiện cháu T đang sống chung với bà M. Sau khi ly hôn, bà M yêu cầu được quyền nuôi cháu T, bà M không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông L vắng mặt nên không có ý kiến về con chung tên Võ Mai T sinh ngày 07/12/2023. Trong khi bà M hiện đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T. Hơn nữa, hiện nay cháu T dưới 36 tháng tuổi. Do đó, để đảm bảo cuộc sống về vật chất và tinh thần của cháu T cần giao cháu T cho bà M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận bà M không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi cháu T.

[4] Về tài sản chung: bà M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: bà M trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với ông Võ Minh L. Bà M được ly hôn với ông L. Ghi nhận việc bà M không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: bà M và ông L có một người con chung tên Võ Mai T sinh ngày 07/12/2023. Khi ly hôn, bà M được tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung tên Võ Mai T, ghi nhận bà M không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi cháu T.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà M trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: bà M trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà M phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000832 ngày 04/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, Bến Tre. Bà M đã nộp đủ án phí.

6. Bà Nguyễn Thị M và ông Võ Minh L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thúy Bắc Nguyễn Văn Bút Nguyễn Thị Tuyết N

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- CCTHADS huyện Chợ Lách;
- UBND xã Long Thới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Nga